

Bản án số: 15/2020/HS-ST

Ngày 20/3/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUYỀN QUANG, TỈNH TUYỀN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hương Giang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Văn Thiệu và bà Lý Thị Nhân

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Thế Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Bé Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 14/2020/TLST- HS ngày 04 tháng 3 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2020/QĐXXST- HS ngày 09/3/2020, đối với bị cáo:

Trần H; Sinh ngày 13/8/1981 tại huyện B, tỉnh Hà Giang

Nơi cư trú: Thôn 10, xã A, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Trình độ văn hóa: 9/12; Nghề nghiệp: Không;

Con ông Trần H và bà Đặng O; có vợ là Đồng D (đã ly hôn); con: Không có.

Tiền án: Không.

Tiền sự: - Ngày 05/9/2018, Công an phường N, thành phố T ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy bằng hình thức phạt tiền (750.000đồng - chưa nộp phạt);

Nhân thân: - Ngày 26/3/2003 Tòa án nhân dân quận Đ, thành phố Hà Nội xử phạt 10 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; 20 tháng tù về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản; tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội là 30 tháng tù (bị cáo đã chấp hành xong);

- Ngày 07/3/2011, Phòng CSĐT tội phạm về trật tự xã hội - Công an tỉnh Tuyên Quang ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Đánh bạc bằng hình thức phạt tiền (1.500.000đồng, bị cáo đã nộp phạt);

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 20/12/2019, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

* Bị hại: Ông Nguyễn H1; sinh năm 1969

Địa chỉ: Tổ 5, phường Y, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang; vắng mặt.

* Người làm chứng: Anh Nguyễn Đ; sinh năm 1981; địa chỉ: Xóm 17, xã M, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 00 giờ 30 phút ngày 13/12/2019, Trần H sau khi chơi ở nhà bạn là Lê V, địa chỉ: Xóm 17, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang, H đi bộ đến khu vực tổ 5, phường Y, thành phố T thì nhìn thấy nhà ông Nguyễn H1 không khóa cổng, H đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của nhà ông H1. H đi vào trong sân nhà ông H1, nhìn thấy cửa giữa bên phải vẫn mở, H đi vào phòng khách, quan sát thấy không có người, trong nhà có 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Vision dựng phía bên trái, 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius dựng phía bên phải và 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream dựng sau tủ để ti vi (theo hướng từ cửa nhà nhìn vào). Lúc này H nhìn thấy trên tủ để giày dép cạnh tường bên trái có để bộ quần áo, H đi đến lục tìm chìa khóa xe mô tô trong túi của bộ quần áo này nhưng không thấy. Sau đó, H phát hiện thấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, biển kiểm soát 22B1- 173.97 ở ổ khóa điện vẫn cắm chìa khóa. H dắt xe này ra khỏi nhà và nổ máy đi về nhà nghỉ Q (địa chỉ tổ 7, phường H, thành phố T) để thuê phòng nghỉ. Đến khoảng 11 giờ cùng ngày, H điều khiển xe mô tô vừa trộm cắp được đi đến khu vực Bệnh viện S thuộc tổ 3, phường P, thành phố T, H vào quán nước của chị Nguyễn N ngồi uống nước và nhờ chị N cầm cố xe nhưng xe không có giấy tờ gì nên chị N từ chối. Sau đó H đi xe đến gửi tại nhà trông xe C của ông Lê U (địa chỉ: Tổ 10, phường T, thành phố T) với mục đích cất giấu. H gọi điện thoại nhờ anh Nguyễn Đ (là bạn), trú tại xóm 7, xã T, huyện T, tỉnh Tuyên Quang để nhờ Đ tìm chỗ cầm cố xe rồi H gọi xe taxi đi đến nhà anh Lê V ở xóm 17, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang chơi. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày H đi xe taxi cùng anh Đ đến nhà trông xe C để xem xe nhưng anh Đ nói xe không có giấy tờ nên không cầm cố được. Sau đó H và anh Đ đi bộ đến quán nước ở khu vực vườn hoa thuộc tổ 2, phường P, thành phố T uống nước. Tại đây, H đã vứt chìa khóa xe mô tô và vé gửi xe về phía vườn hoa rồi H đi về nhà anh V, anh Đ cũng đi về nhà mình. Trong quá trình điều tra không thu hồi được chìa khóa xe mô tô và vé gửi xe.

Tại Bản Kết luận định giá tài sản số 77/KLĐG ngày 19/12/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Tuyên Quang, kết luận: Chiếc xe

mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu sơn trắng, đen, BKS 22B1- 173.97, số khung C640BY647872, số máy 5C64647976 có giá trị 7.320.000đồng (*Bảy triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng*).

Tại bản Cáo trạng số 15/CT-VKSTP ngày 02 tháng 3 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang đã truy tố bị cáo Trần H về tội *Trộm cắp tài sản* theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Kết thúc phần tranh luận tại phiên tòa, đại diện VKSND thành phố Tuyên Quang trình bày luận tội giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Trần H về tội *Trộm cắp tài sản* và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, Điều 51; Điều 38; Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo từ 09 tháng đến 12 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 20/12/2019.

Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo cho những người tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không trình bày lời bào chữa, nhất trí với luận tội của đại diện VKSND thành phố Tuyên Quang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện nhiệm vụ đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa Kiểm sát viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn khi thực hành quyền công tố. Bị cáo không khiếu nại, thắc mắc gì. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập lưu trong hồ sơ vụ án. Bị cáo khai nguyên nhân dẫn đến việc thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là do không có tiền tiêu sài cho bản thân, không có công ăn việc làm nhưng lại sử dụng ma túy; bị cáo thừa nhận bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuyên Quang truy tố bị cáo về tội Trộm cắp tài sản là đúng người, đúng tội, không oan. Kết luận định giá tài sản xác định chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu sơn trắng, đen, BKS 22B1- 173.97 có giá trị 7.320.000đồng (*Bảy triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng*) là khách quan, chính xác. Như vậy, Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ kết luận bị cáo Trần H phạm tội Trộm cắp tài sản. Tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an ở địa phương. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức và điều khiển được hành vi của bản thân, nên cần phải đưa ra xét xử nghiêm mới có tác dụng giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt:

- Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự xong có nhân thân xấu, đã bị xét xử về tội chiếm đoạt tài sản, bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy và hành vi đánh bạc. Vì vậy khi quyết định hình phạt HĐXX cần xem xét để áp dụng hình phạt tương xứng.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo đã tỏ rõ thái độ ăn năn hối cải và thành khẩn khai báo nên áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Trong giai đoạn điều tra đã trả lại tài sản là 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu sơn trắng, đen, BKS 22B1-173.97 cho ông Nguyễn H1. Ông H1 không có yêu cầu bồi thường dân sự nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[5] Trong vụ án này có anh Nguyễn Đ, chị Nguyễn N là những người bị cáo nhờ cầm cố xe nhưng không biết chiếc xe mô tô này là tài sản do bị cáo phạm tội mà có nên không đề cập xử lý.

[6] Về án phí và quyền kháng cáo:

- Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại Điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Vi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1, Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Trần H phạm tội Trộm cắp tài sản.

Xử phạt bị cáo Trần H 10 (mười) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 20/12/2019.

2. Căn cứ các Điều 136, 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Trần H phải chịu 200.000đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm;

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo; bị hại;
- VKSND thành phố TQuang;
- VKSND tỉnh TQuang;
- TAND tỉnh TQuang;
- Cơ quan CSĐT Công an TPTQuang;
- Cơ quan THAHS TPTQuang;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Tquang;
- Sở Tư pháp tỉnh TQuang;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Hương Giang

